

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giao thông vận tải;

Chuyên ngành: Xây dựng đường bộ

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: MAI THỊ HẢI VÂN

2. Ngày tháng năm sinh: 28/12/1980; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà E5, Khu thấp tầng Pandora, số 53 phố Triều Khúc, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Nhà E5, Khu thấp tầng Pandora, số 53 phố Triều Khúc, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại di động: 0988501230;

E-mail: vanmth@utt.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 9/1998 đến 06/2003 : Học đại học tại Trường Đại học Giao thông vận tải, chuyên ngành Xây dựng đường bộ

Từ 10/2003 đến 03/2011 : Giảng viên cơ hữu tại Tổ Cơ sở kỹ thuật, Trường cao đẳng Giao thông Vận tải, nay là trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải. (Từ 10/2003 đến

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
10/2017: Học Thạc sĩ tại Trường Đại học Giao thông vận tải, chuyên ngành Xây dựng đường ô tô và đường thành phố)

Từ 04/2011 đến 05/2020: Giảng viên cơ hữu tại Bộ môn Đường bộ, Khoa Công trình, Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải (từ tháng 09/2014 đến 09/2017 : Nghiên cứu sinh tại Học viện Kỹ thuật quân sự, chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông.

Từ tháng 06/2020 đến 12/2020: Giảng viên cơ hữu, Phó trưởng bộ môn Đường bộ, Khoa Công trình, Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải.

Từ 12/2020 đến nay: Giảng viên chính, Phó trưởng Bộ môn Đường bộ, Khoa Công trình, Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải.

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Đường bộ, Khoa Công trình, trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

Địa chỉ cơ quan: 54 Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.3854.4264

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Không

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 06 năm 2003; số văn bằng: B 472053; ngành: Xây dựng cầu đường, chuyên ngành: Xây dựng đường bộ; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 03 tháng 01 năm 2008; số văn bằng: 949 N^o. A 0037663; ngành: Xây dựng công trình giao thông; chuyên ngành: Xây dựng đường ô tô và đường thành phố; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 30 tháng 01 năm 2018; số văn bằng: 007912; ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (trường, nước): Học viện kỹ thuật quân sự , Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành: Không

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông Vận tải

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông Vận tải

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- (1) Nghiên cứu phương pháp tính toán kết cấu công trình đường ô tô
- (2) Nghiên cứu dự báo các tính chất của vật liệu sử dụng cho công trình đường ô tô.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 (không) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 08 học viên cao học (HVCH) bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ, trong đó:
 - + Hướng độc lập/ GVHD1: 05 học viên
 - + GVHD 2: 03 học viên
- Đã hoàn thành đề tài Nghiên cứu khoa học (NCKH) từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 04, trong đó:
 - + Chủ nhiệm: 03 đề tài cấp cơ sở
 - + Tham gia: 01 đề tài cấp Bộ GTVT
- Đã công bố 37 bài báo khoa học, trong đó 15 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI (06 bài là tác giả chính), 02 bài Hội thảo quốc tế Cigos (tác giả chính), 20 bài báo đăng trên các tạp chí Việt Nam thuộc danh mục tính điểm của Hội đồng.
- Đã được cấp 0 (không) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích.
- Số lượng sách đã xuất bản 01 sách tham khảo (Chủ biên).
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0 (không)

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen Bộ Giao thông vận tải năm học 2014-2015, theo quyết định số 3134/QĐ-BGTVT, ngày 31/08/2015
- Bằng khen Bộ Giao thông vận tải năm học 2021-2022, theo quyết định số 645/QĐ-BGTVT, ngày 26/05/2023
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2013-2014, theo quyết định số 1956/QĐ-ĐHCNGTVT, ngày 11/08/2014
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2014-2015, theo quyết định số 1806/QĐ-ĐHCNGTVT, ngày 07/08/2015
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2021, theo quyết định số 132/QĐ-ĐHCNGTVT, ngày 07/01/2022
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2022, theo quyết định số 180/QĐ-ĐHCNGTVT, ngày 09/01/2023

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng vững vàng, lý lịch bản thân rõ ràng, đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ
- Được đào tạo chính quy đúng chuyên ngành từ bậc đại học, thạc sĩ, và tiến sĩ, được đào tạo và có đủ các chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Là giảng viên chính, có đủ năng lực chuyên môn, có nền tảng và kiến thức vững vàng đối với các môn học được phân công giảng dạy
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy trình độ đại học và sau đại học, hướng dẫn luận văn cao học, đề án tốt nghiệp, hướng dẫn thực tập, biên soạn sách phục vụ giảng dạy.
- Tích cực trong công tác nghiên cứu khoa học, bao gồm công bố các bài báo khoa học, hoàn thành các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, cấp trường, hướng dẫn sinh viên NCKH; tích cực tham gia hội thảo khoa học các cấp; tham gia nhận xét, phản biện các bài báo khoa học, tham gia các hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH, tham gia các hội đồng chấm chuyên đề tiến sĩ, là thành viên chính của nhóm nghiên cứu mạnh
- Tích cực tham gia xây dựng, mở mới, chỉnh sửa các chương trình đào tạo hệ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học để phục vụ mở ngành và giảng dạy
- Luôn có ý thức rèn luyện, học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, luôn có tinh thần học hỏi, cầu thị, tiếp thu các thành tựu của khoa học tiên tiến
- gương mẫu trong thực hiện nghĩa vụ công dân, quy định của pháp luật và trong việc thực hiện các nội quy, quy chế của nhà trường.
- Tôn trọng người học, công bằng và bảo vệ quyền lợi của người học.
- Luôn nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp và người học trong công việc.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm 2 tháng (tính từ 4/2011 theo QĐ 630/QĐ-TTg về việc thành lập trường Đại học công nghệ Giao thông vận tải trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải)

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/ Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018			0		315	0	315 / 796,47/ 270
2	2018-2019			03		285	30	315 / 582,50/ 270
3	2019-2020			02		135	30	165/ 597,87/ 270
03 năm học cuối								
4	2020-2021			1		165	0	165 /543,03/ 229,5 ^(a)
5	2021-2022			0		135	90	225 / 321,0/ 229,5 ^(a)
6	2022-2023			02		180	75	255 /413,34/ 229,5 ^(a)
(a) Định mức 85% cho Giảng viên cơ hữu kiêm Phó trưởng bộ môn (85%*270 =229,5 giờ/năm)								

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:

- Bảo vệ luận văn ThS tại nước:

- Bảo vệ luận luận án TS tại nước:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Thái Nguyên; Số bằng: DT/CN/02709; năm cấp: 2022

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Không

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng cử nhân Ngôn ngữ Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Đỗ Văn Trường		X	X		2019-2020	Trường Đại học Công nghệ GTVT	03/12/2020
2	Bùi Văn Công		X	X		2019-2020	Trường Đại học Công nghệ GTVT	03/12/2020
3	Phùng Khắc Huy		X		X	2018-2019	Trường Đại học Công nghệ GTVT	03/12/2020
4	Phan Đức Duy		X		X	2018-2019	Trường Đại học Công nghệ GTVT	03/12/2020
5	Vũ Thành Trung		X		X	2018-2019	Trường Đại học Công nghệ GTVT	26/05/2021
6	Lê Việt Hưng		X	X		2020-2021	Trường Đại học Công nghệ GTVT	21/01/2022
7	Đào Anh Tuấn		X	X		2022-2023	Trường Đại	Đã bảo vệ ngày

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

						học Công nghệ GTVT	09/4/2023 (Có biên bản họp hội đồng chấm LV)
8	Đỗ An Biên		X	X	2022-2023	Trường Đại học Công nghệ GTVT	Đã bảo vệ ngày 09/4/2023 (Có biên bản họp hội đồng chấm LV)

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS (nhận bằng TS vào ngày 30 tháng 01 năm 2018)						
...							
II	Sau khi được công nhận TS (nhận bằng TS vào ngày 30 tháng 01 năm 2018)						
1	Phân tích giới hạn tám chữ nhật chịu uốn trên nền đàn hồi	TK	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, năm 2020	01	Mai Thị Hải Vân	Toàn bộ nội dung (Từ trang 01 - 154)	Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo của Trường ĐH CNGTVT ngày 30/06/2020

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 (không)

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS (nhận bằng TS vào 30 tháng 01 năm 2018)				
II	Sau khi được công nhận TS (nhận bằng TS vào 30 tháng 01 năm 2018)				
1	ĐT “Nghiên cứu xác định tải trọng giới hạn của tám bê tông xi măng mặt đường có xét đến ảnh hưởng của biến dạng trượt ngang”	CN	Mã số: DT171815 Cấp quản lý: Trường Đại học Công nghệ GTVT	03/2018 đến 12/2018	Giấy chứng nhận kết quả ngày 14/12/2018 Xếp loại: A

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	ĐT “Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo để dự đoán cường độ chịu nén của bê tông tự đầm sử dụng trong xây dựng đường”	CN	Mã số: DT202114 Cấp quản lý: Trường Đại học Công nghệ GTVT	03/2021 đến 01/2022	Giấy chứng nhận kết quả ngày 07/01/2022 Xếp loại: A
3	ĐT “Nghiên cứu đề xuất giải pháp chế tạo bê tông tự chữa lành bằng công nghệ vi sinh vật để ứng dụng vào các cấu kiện bê tông cho các công trình giao thông”	Thành viên chính	Mã số: DT214035 Cấp quản lý: Bộ Giao thông vận tải	12/2020 đến 06/2022	Giấy chứng nhận kết quả ngày 15/11/2022 Xếp loại: Không xếp loại
4	ĐT “Nghiên cứu dự báo cường độ chịu nén và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến cường độ chịu nén của bê tông đầm lăn bằng mô hình trí tuệ nhân tạo”	CN	Mã số: DT212227 Cấp quản lý: Trường Đại học Công nghệ GTVT	04/2022 đến 12/2022	Giấy chứng nhận kết quả ngày 16/02/2023 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Các bài báo khoa học trong Quyển II.1								
I	Trước khi được công nhận TS (nhận bằng TS vào 30 tháng 01 năm 2018)							
1	Phân tích đàn hồi tám chữ nhật chịu uốn sử dụng nội lực làm ẩn	02		Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN: 1859-459X			Số 04/2014, trang 08-10	04/2014
2	Phương pháp tính tám chữ nhật chịu uốn có xét biến dạng trượt ngang sử dụng nội lực làm ẩn	02	X	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số tháng 07/2015, trang 68-70	07/2015
3	Phương pháp tính tám trên nền đàn hồi chịu uốn có xét biến dạng trượt ngang sử dụng nội lực làm ẩn	02	X	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số tháng 10/2015, trang 12-14	10/2015

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

4	Phương pháp xác định tải trọng giới hạn của tấm tựa khớp theo hai định lý giới hạn	01	X	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số tháng 10/2016, trang 59-62	10/2016
5	Nghiên cứu ảnh hưởng của biến dạng trượt ngang đến sự phân bố nội lực và độ võng của tấm trên nền đàn hồi	01	X	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số tháng 12/2017, trang 135-138	12/2017
6	Analyze the elasticity of the bending plate on the winkler foundation have to consider the effect of transverse shearing deformations by the variational principle of energy	01	X	Tạp chí kết cấu và công nghệ xây dựng, ISSN: 1859.3194			Số 26/2018, trang 67-81	01/2018
II	Sau khi được công nhận TS (nhận bằng TS vào 30 tháng 01 năm 2018)							
7	Nghiên cứu ứng dụng giải pháp tường chắn bằng bê tông cốt sợi thành móng bảo vệ taluy âm của đường đi ven sông hồ	03		Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số tháng 07/2019, trang 64-68	07/2019
8	Nghiên cứu lựa chọn giải pháp hợp lý giải quyết vấn đề lún lệch giữa đường nội bộ với các công trình trong khu công nghiệp xây dựng trên đất yếu	03	X	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số tháng 08/2019, trang 74-77	08/2019
9	Prediction of Later-Age Concrete Compressive Strength Using Feedforward Neural Network https://doi.org/10.1155/2020/9682740	04		Advances in Materials Science and Engineering, eISSN:1687-8434	ISI (2020), IF(2020) = 1.924, Q2		Volume 2020, 9682740	09/2020
10	Nghiên cứu ứng dụng mô hình rừng ngẫu nhiên để dự đoán cường độ chịu nén của bùn cứng hóa bằng xi măng, lưới đánh cá và bọt khí	02	X	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số tháng 1+2/2021, trang 95-99	02/2021
11	Nghiên cứu ứng dụng mô hình trí tuệ nhân tạo dự báo cường độ nén của bê tông sử dụng cốt liệu tái chế https://doi.org/10.47869/tcsj.72.3.11	03		Tạp chí Khoa học Giao thông Vận tải ISSN 1859-2724			Vol 72, Issue 3(04/2021), 369-383	04/2021
12	Using ANN to Estimate the Critical Buckling Load of Y Shaped Cross-Section Steel Columns https://doi.org/10.1155/2021/5530702	4		Scientific Programming, ISSN: 1875-919X (online)	ISI(2021), IF(2021) = 1.67, Q3		Volume 2021, 5530702	04/2021
13	Prediction Compressive Strength of Concrete Containing GGBFS using	4	X	Advances in Civil Engineering	ISI, IF(2021) = 1.843, Q2		Volume 2021, 6671448	05/2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	Random Forest Model https://doi.org/10.1155/2021/6671448			eISSN: 1687-8094	(2021)			
14	On the Training Algorithms for Artificial Neural Network in Predicting the Shear Strength of Deep Beams https://doi.org/10.1155/2021/5548988	4		Complexity, eISSN: 1099-0526	ISI, IF(2021) = 2.833, Q1 (2021)		Volume 2021, 5548988	05/2021
15	Investigation of ANN Model Containing One Hidden Layer for Predicting Compressive Strength of Concrete with Blast-Furnace Slag and Fly Ash https://doi.org/10.1155/2021/5540853	4	X	Advances in Materials Science and Engineering, eISSN: 1687-8442	ISI (2021), IF(2021) = 2.098, Q2		Volume 2021, 5540853	06/2021
16	Development of deep neural network model to predict the compressive strength of rubber concrete https://doi.org/10.1016/j.conbuildmat.2021.124081	4		Construction and Building Materials Online ISSN: 1879-0526	ISI, IF(2021) = 6.141, Q1		Vol 301, 124081	07/2021
17	Nghiên cứu ứng dụng mô hình mạng nơ ron nhân tạo dự báo mô đun đàn hồi động của vật liệu đất đắp nền đường https://doi.org/10.47869/tcsj.72.8.12	4		Tạp chí Khoa học Giao thông Vận tải ISSN 1859-2724			Tập 72, Số 8 (10/2021), 994-1009	10/2021
18	On The Training Algorithms for Artificial Neural Network in Predicting compressive strength of recycled aggregate concrete https://doi.org/10.1007/978-981-16-7160-9_189	03	X	CIGOS 2021, Emerging Technologies and Applications for Green Infrastructure, ISBN 978-981-16-7159-3	Proceeding paper, Scopus		pp 1867–1874	10/2021
19	Using Random Forest for predicting compressive strength of self-compacting concrete https://doi.org/10.1007/978-981-16-7160-9_196	03	X	CIGOS 2021, Emerging Technologies and Applications for Green Infrastructure ISBN 978-981-16-7159-3	Proceeding paper, Scopus		pp 1937–1944	10/2021
20	Nghiên cứu ứng dụng mô hình rừng cây ngẫu nhiên để dự đoán Mr của vật liệu làm lớp móng trong kết cấu mặt đường ô tô	01	X	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số tháng 10/2021, trang 91-94	10/2021

21	Ứng dụng giải thuật phục hồi mạng lan truyền ngược để dự báo cường độ chịu nén của bê tông tự lèn sử dụng tro bay	02	X	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số tháng 12/2021, trang 71-75	12/2021
22	Investigation of ANN architecture for predicting the compressive strength of concrete containing GGBFS https://doi.org/10.1371/journal.pone.0260847	4		Plos One, ISSN: 1932-6203	ISI, IF(2021) = 3.58, Q1		PLoS ONE 16(12): e0260847	12/2021
23	Nghiên cứu ứng dụng mô hình rừng cây ngẫu nhiên để dự báo độ chảy loang của bê tông tự lèn và phân tích tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến độ chảy loang	01	X	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN: 1859-459X			Số 06/2022, trang 24-29	06/2022
24	Machine Learning Approach in Investigating Carbonation Depth of Concrete Containing Fly Ash https://doi.org/10.1002/suco.202200269	04		Structural Concrete, ISSN: 1751-7648 (Online)	ISI, IF(2021) = 2.793, Q1		pp 1-25	06/2022
Các bài báo khoa học trong Tập II.2								
25	Dự đoán cường độ nén của bê tông tro bay bằng mô hình máy học kết hợp dựa trên thuật toán cây quyết định	01	X	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số tháng 07/2022, trang 28-31	07/2022
26	Assessment of different machine learning techniques in predicting the compressive strength of self-compacting concrete https://doi.org/10.1007/s11709-022-0837-x	04		Frontiers of Structural and Civil Engineering, eISSN: 2095-2449	ISI, IF = 3.25, Q1		Vol. 16 Issue 7: 928 - 945	07/2022
27	Tối ưu hóa các siêu tham số của mô hình Catboost để dự báo cường độ chịu nén của bê tông tự lèn	02	X	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số tháng 10/2022, trang 53-57	10/2022
28	Nghiên cứu và lựa chọn mô hình tăng cường độ dốc cực đại để dự báo cường độ chịu nén của bê tông đầm lăn	02	X	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số tháng 10/2022, trang 68-72	10/2022
29	A comparative assessment of tree-based predictive models to estimate geopolymers concrete compressive strength https://doi.org/10.1007/s00521-022-08042-2	04		Neural Computing and Applications (NCAA), eISSN: 1433-3058	ISI, IF(2021) = 5.130, Q1		pp 6569-6588	11/2022
30	Sử dụng phương pháp tìm kiếm theo lưới để tối ưu hóa các siêu	01	X	Tạp chí Giao thông vận tải,			Số tháng 12/2022,	12/2022

	tham số của mô hình rừng cây ngẫu nhiên trong dự báo hần lún mặt đường của hỗn hợp bê tông nhựa			ISSN: 2354-0818			trang 82-85	
31	Development of machine learning methods to predict the compressive strength of fiber-reinforced self-compacting concrete and sensitivity analysis https://doi.org/10.1016/j.conbuildmat.2023.130339	03	X	Construction and Building Materials eISSN: 1879-0526	ISI, IF(2023) = 7.693, Q1		Vol 367 (2023), 130339	01/2023
32	Optimization of machine learning models for predicting the compressive strength of fiber-reinforced self-compacting concrete https://doi.org/10.1007/s11709-022-0901-6	04	X	Frontiers of Structural and Civil Engineering, eISSN: 2095-2449	ISI, IF(2021) = 3.25, Q1		pp 284 - 305	02/2023
33	Toward improved prediction of recycled brick aggregate concrete compressive strength by designing ensemble machine learning models https://doi.org/10.1016/j.conbuildmat.2023.130613	04	X	Construction and Building Materials eISSN: 1879-0526	ISI, IF(2023) = 7.693, Q1		Vol 369 (2023), 130613	02/2023
34	Dự báo cường độ chịu nén của bê tông tự lèn cốt sợi polypropylene bằng mô hình tăng cường độ dốc sử dụng kỹ thuật tối ưu hóa lần lượt các siêu tham số	01	X	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số tháng 04/2023, trang 36-39	04/2023
35	Dự báo độ ổn định Marshall của bê tông nhựa biến tính cao su lốp xe phế thải bằng mô hình Catboost	01	X	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số tháng 06/2023, trang 56-59	06/2023
36	Enhancing Compressive Strength Prediction of Roller Compacted Concrete using Machine Learning Techniques https://doi.org/10.1016/j.measurement.2023.113196	03	X	Measurement, Online ISSN: 1873-412X	ISI, IF(2023) = 5.131, Q1			06/2023
37	Application of Extreme Gradient Boosting in Predicting the Viscoelastic Characteristics of Graphene Oxide Modified Asphalt at Medium and High Temperatures	04		Frontiers of Structural and Civil Engineering, eISSN: 2095-2449	ISI, IF(2021) = 3.25, Q1			Accepted 16/5/2023

- Trong đó: Số lượng 06 bài báo khoa học (có số TT là: 13, 15, 31, 32, 33, 36) đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (ISI) mà UV là tác giả chính sau khi được nhận bằng TS vào tháng 01/2018.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo trình độ Đại học chuyên ngành “Hạ tầng giao thông đô thị thông minh” thuộc ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông: Thành viên tổ soạn thảo chương trình đào tạo	Tham gia	Quyết định số 789- QĐ/ĐHCNGTVT ngày 08/03/2021	Trường Đại học Công nghệ GTVT	Quyết định số 2627/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 28/07/2021	
2	Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản lý xây dựng (mã ngành 9580302): Ban xây dựng chương trình đào tạo	Tham gia	Quyết định số 1994- QĐ/ĐHCNGTVT ngày 02/06/2021	Trường Đại học Công nghệ GTVT	Quyết định số 2521 - QĐ/ĐHCNGTVT ngày 15/7/2021	
3	Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, chuyên ngành “CNKT xây dựng đường ô tô”: Tiểu ban điều chỉnh chương trình đào tạo	Thư ký	Quyết định số 5147- QĐ/ĐHCNGTVT ngày 18/11/2021	Trường Đại học Công nghệ GTVT	Quyết định số 5899 - QĐ/ĐHCNGTVT ngày 29/12/2021	
4	Chương trình đào tạo trình độ Đại học, chuyên ngành Thanh tra và Quản lý công trình giao thông thuộc ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng công trình giao thông: Thành viên hội đồng Xây dựng chương trình đào tạo	Tham gia	Quyết định số 839 - QĐ/ĐHCNGTVT ngày 14 /02 /2023	Trường Đại học Công nghệ GTVT	Quyết định số 2176 - QĐ/ĐHCNGTVT ngày 07/04/2023	
5	Nhóm Nghiên cứu mạnh “Ứng dụng Công nghệ 4.0 trong Giao thông vận tải”, tên tiếng Anh: “Application of Industry 4.0 in Transportation – I4T”	Thành viên chính	Quyết định số 5280- QĐ/ĐHCNGTVT ngày 29/11/2021	Trường Đại học Công nghệ GTVT	Quyết định số 5280- QĐ/ĐHCNGTVT ngày 29/11/2021	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: *Không*

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): *Không*

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): *Không*

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): *Không thiếu*

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: *Không*

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: *Không*

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: *Không*

(* Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mai Thị Hải Vân